

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Bê tông Hòa Cầm - INTIMEX

Ngày 30/06/2025	18,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	7.2%	39.3%	58.6%

DT thuần Q2/25
120
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 43.4 56.2%
YoY: ▲ 46.2 62.1%

LN thuần Q2/25
15.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.42 160%
YoY: ▲ 10.5 220%

LN sau thuế Q2/25
12.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.57 166%
YoY: ▲ 8.33 220%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
12.7%
YoY: +/-▲ 5.2%

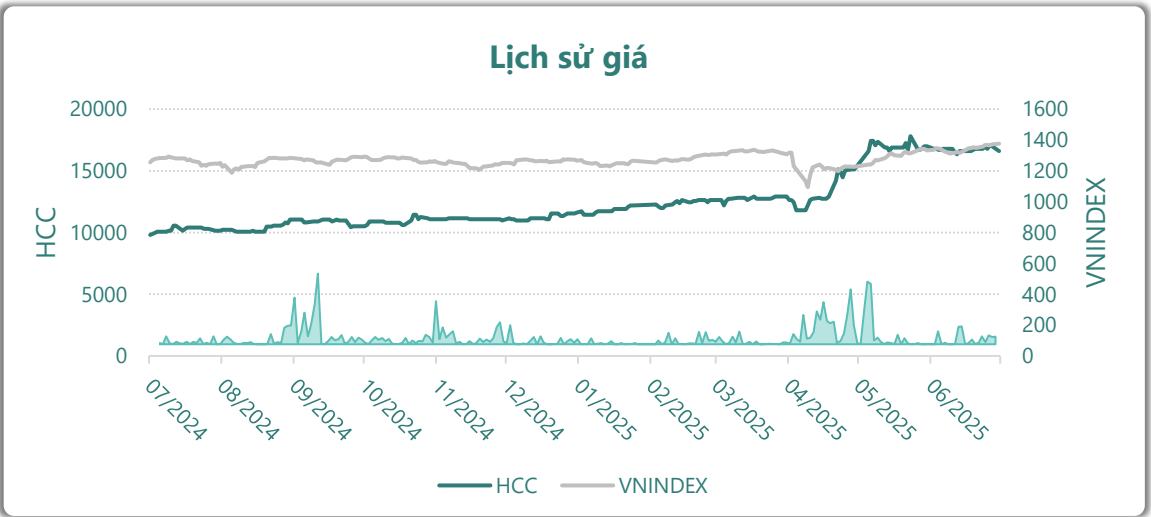
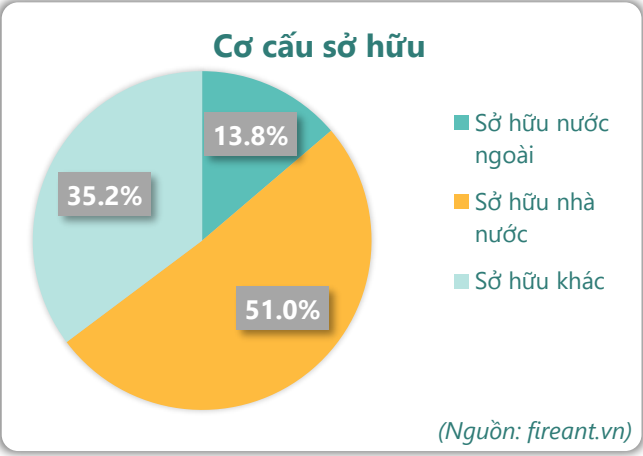
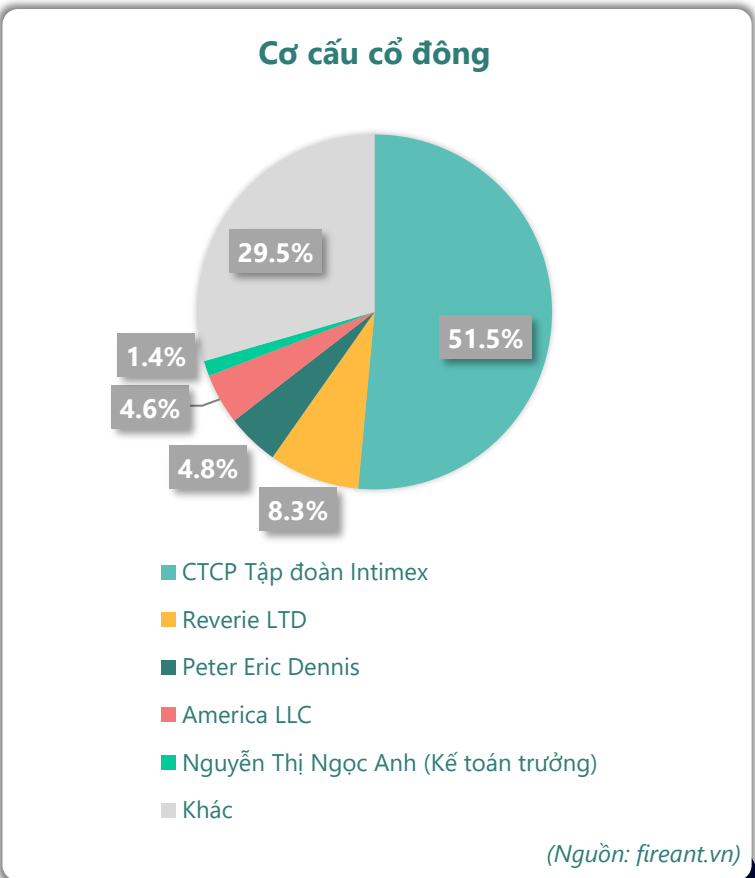
ROE (TTM) Q2/25
25.7%
YoY: +/-▲ 7.4%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,808 - 17,810
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	117
Số lượng CPLH (CP)	6,518,547
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,700
Sở hữu nước ngoài	13.8%
Beta	0.04
EPS	3,692
P/E	4.9

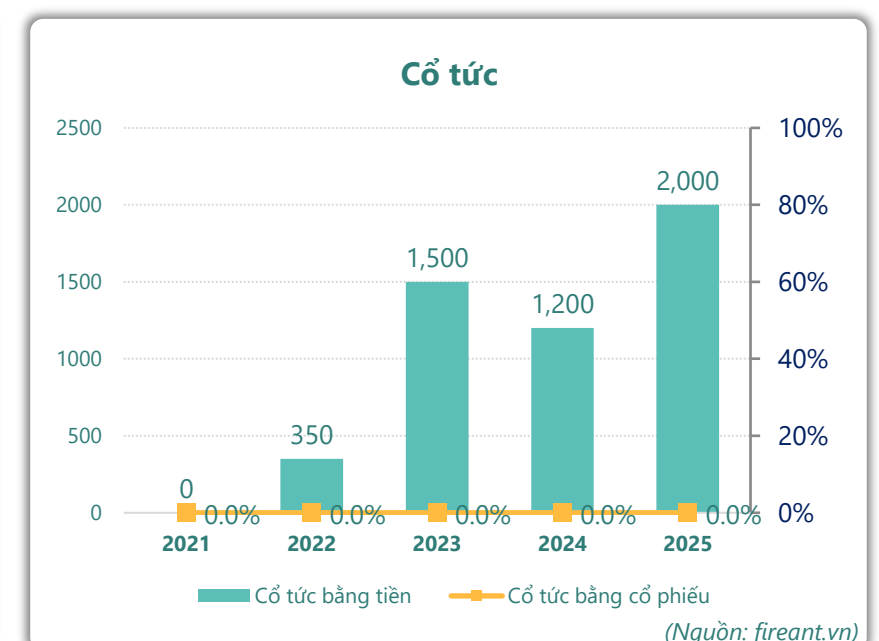
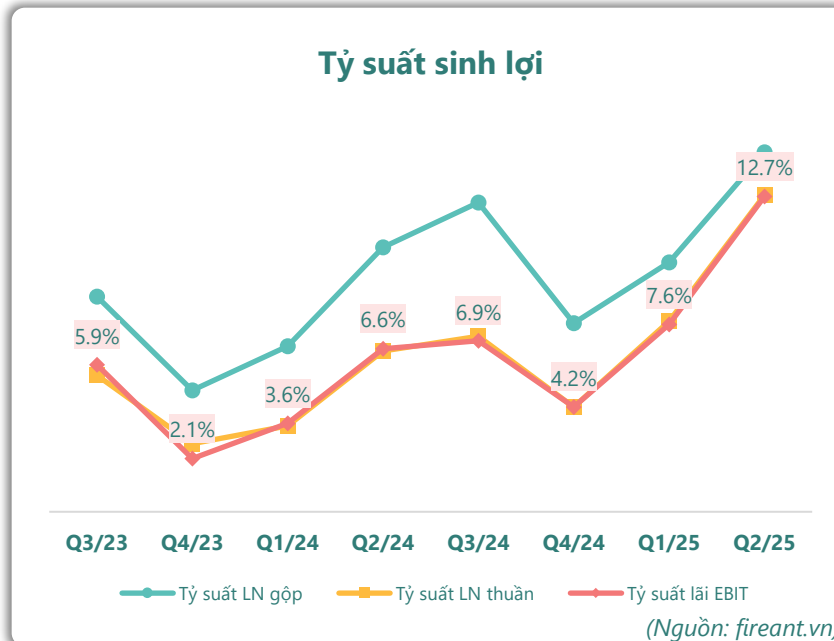
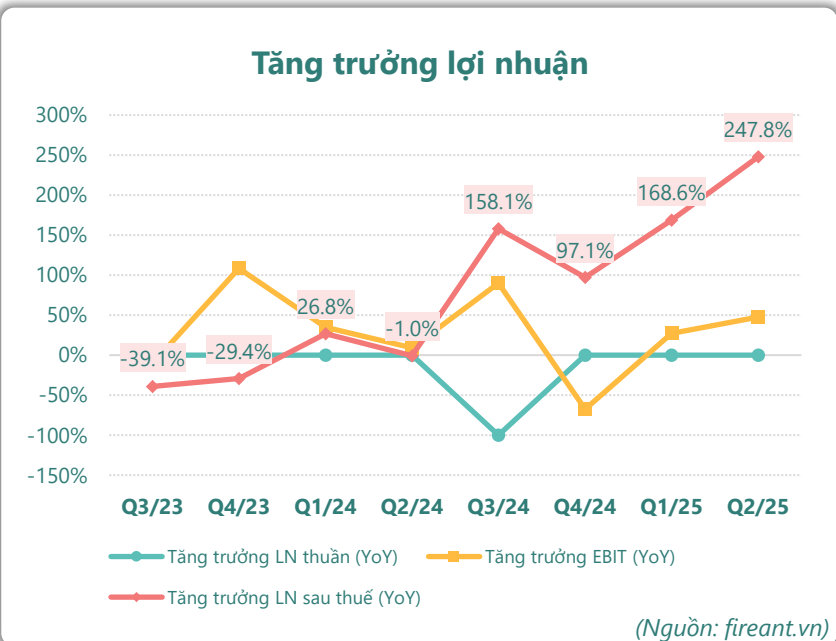
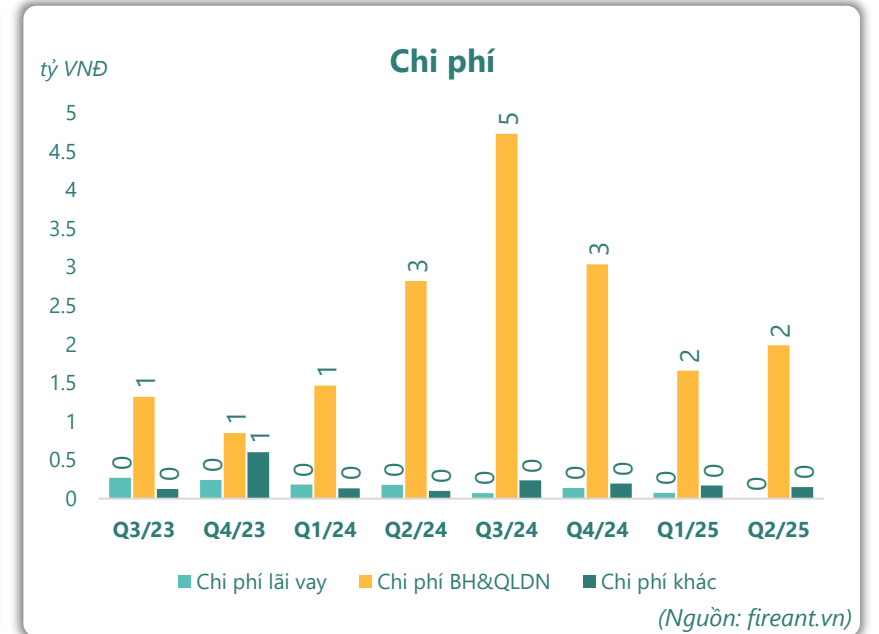
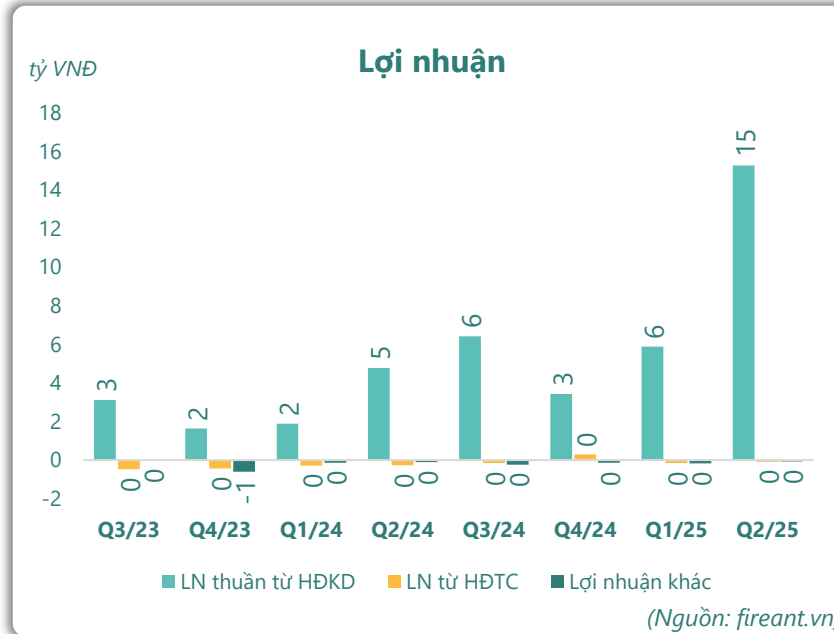
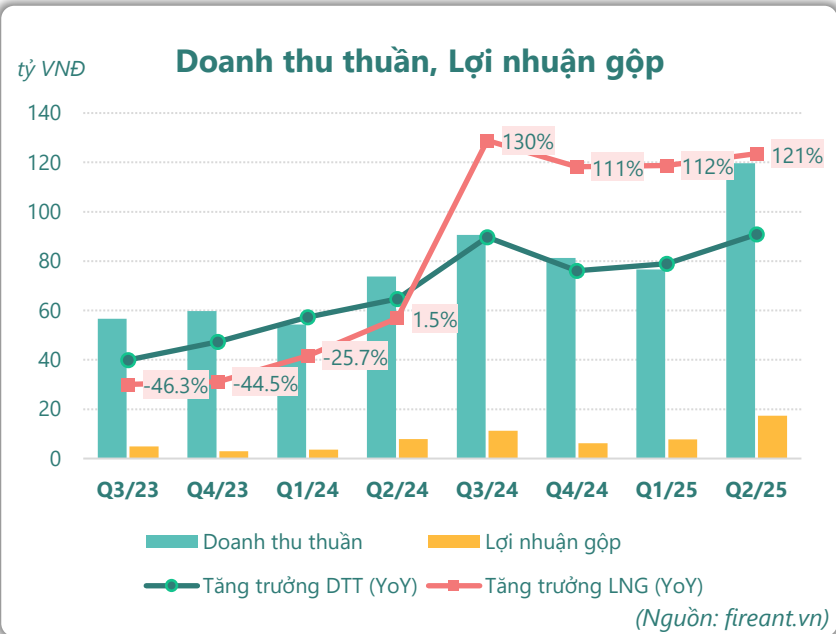
DT thuần 6T 2025
196
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 68.0 53.1%

LN thuần 6T 2025
21.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.5 218%

LN sau thuế 6T 2025
16.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.5 226%



KẾT QUẢ KINH DOANH

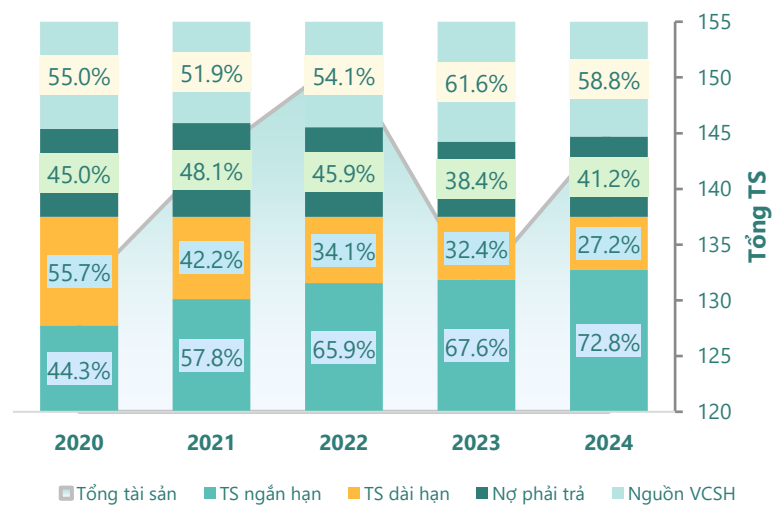




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

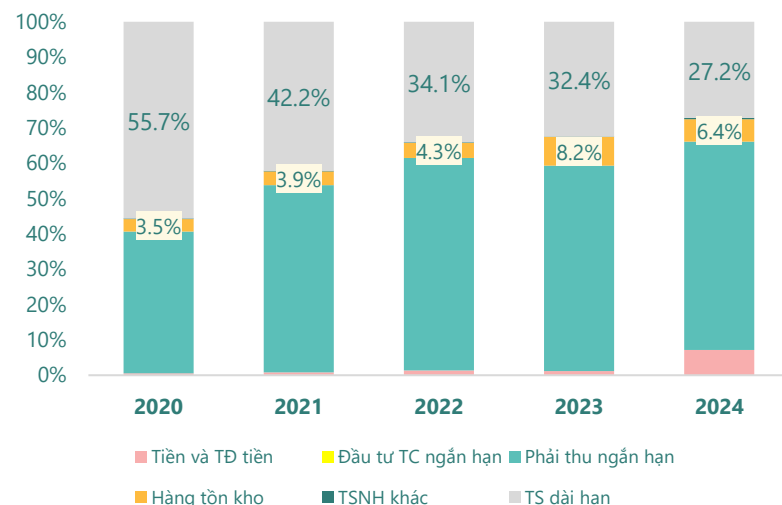
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

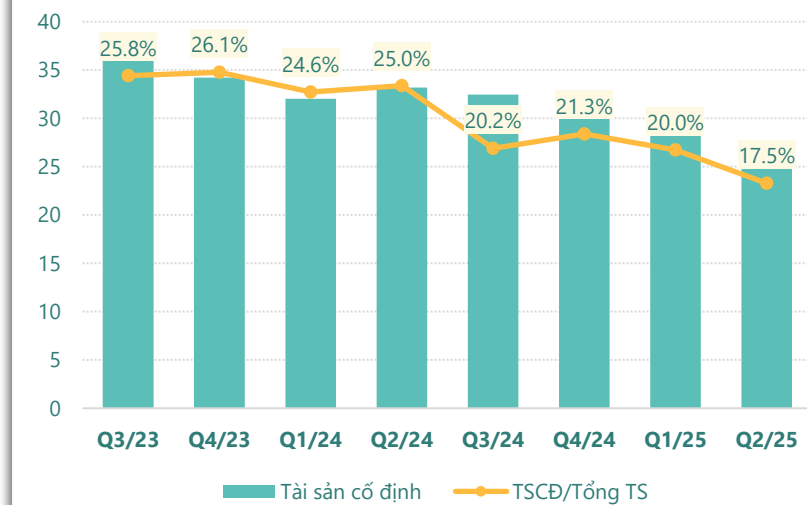
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

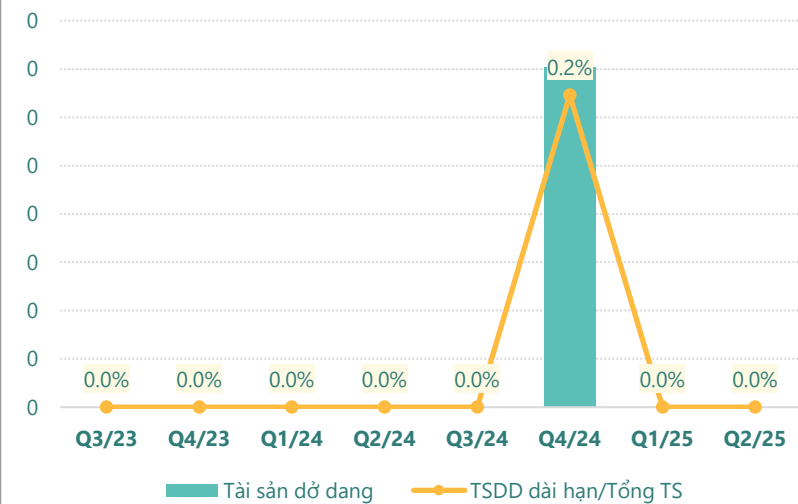
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

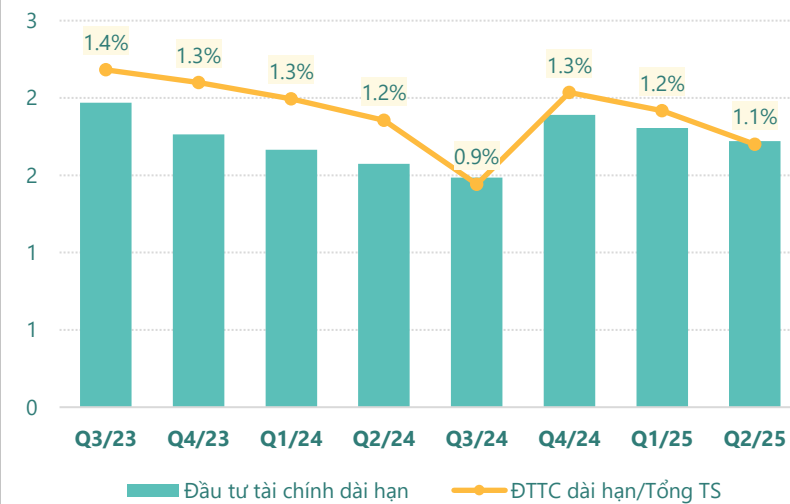
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

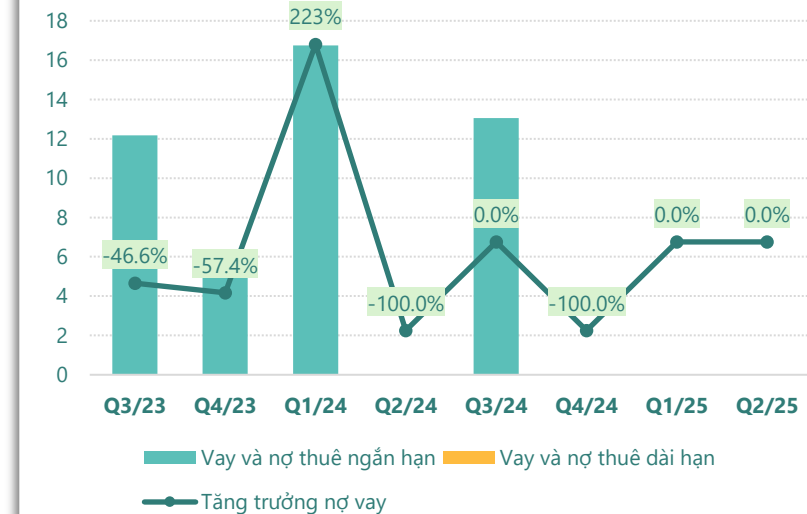
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

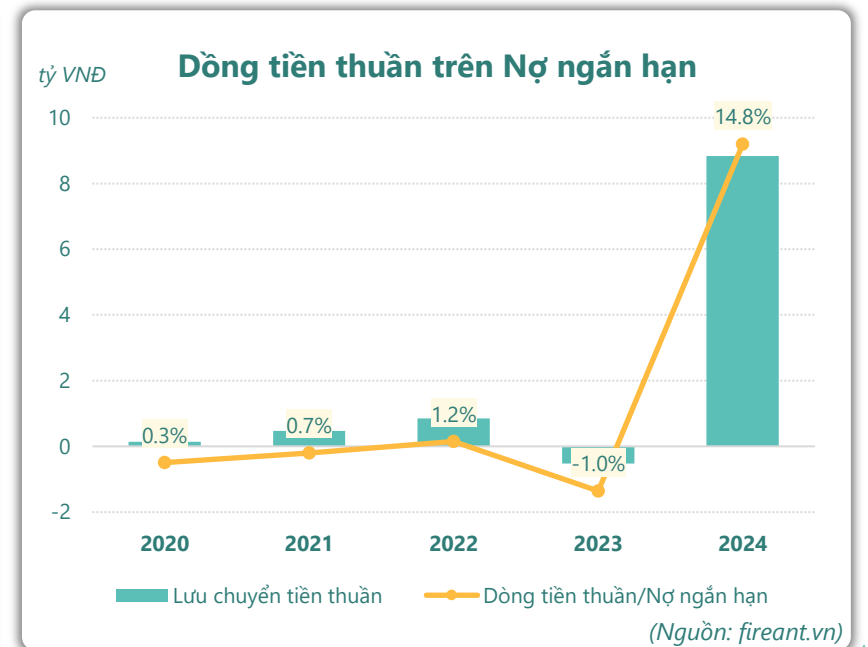
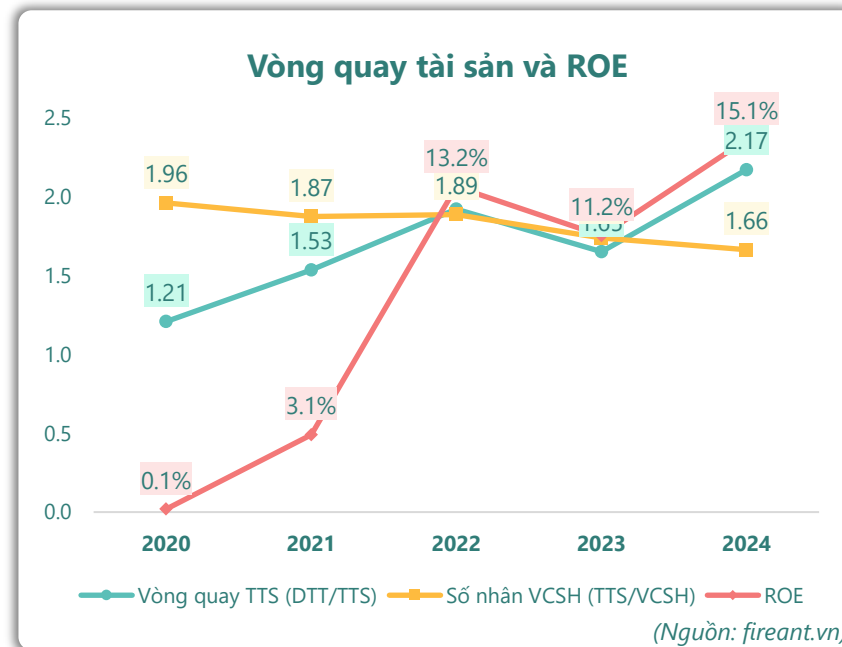
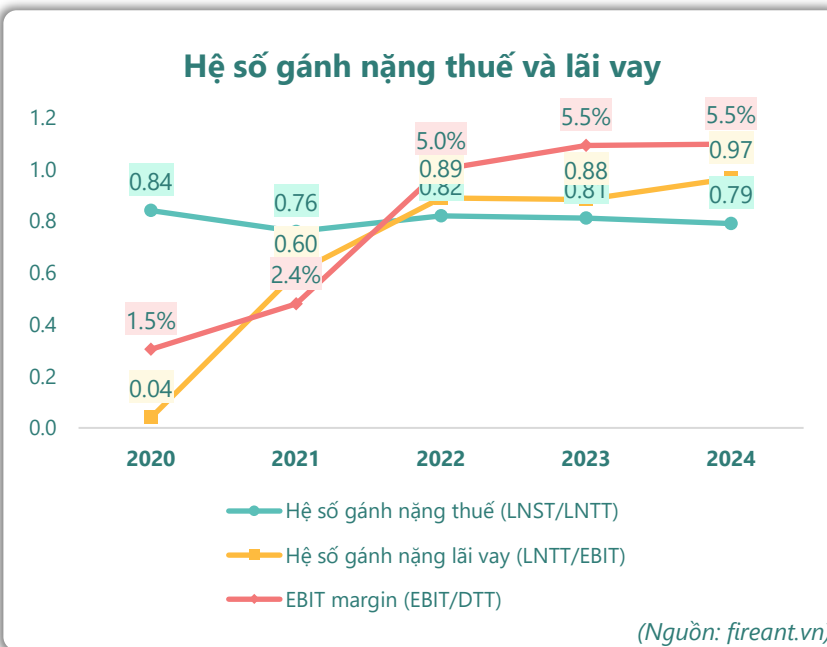
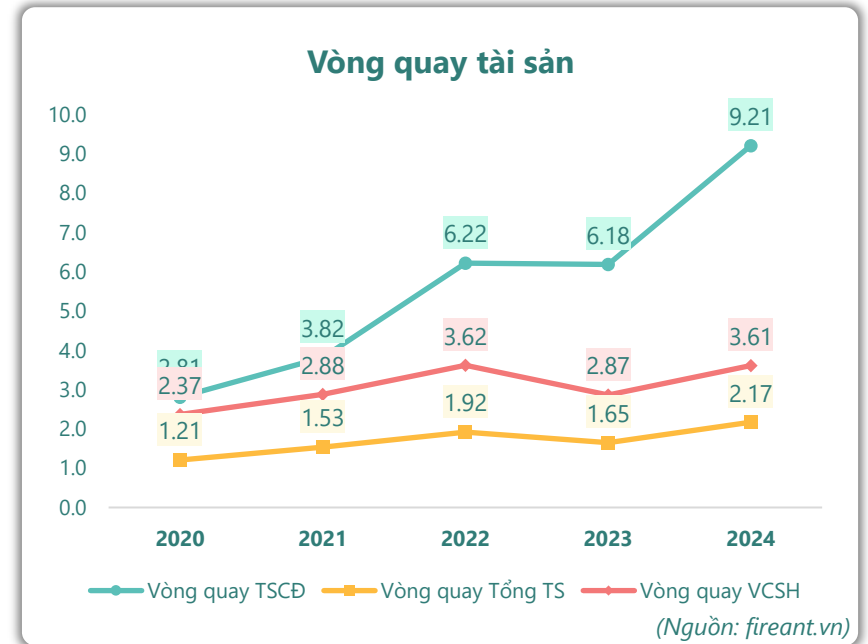
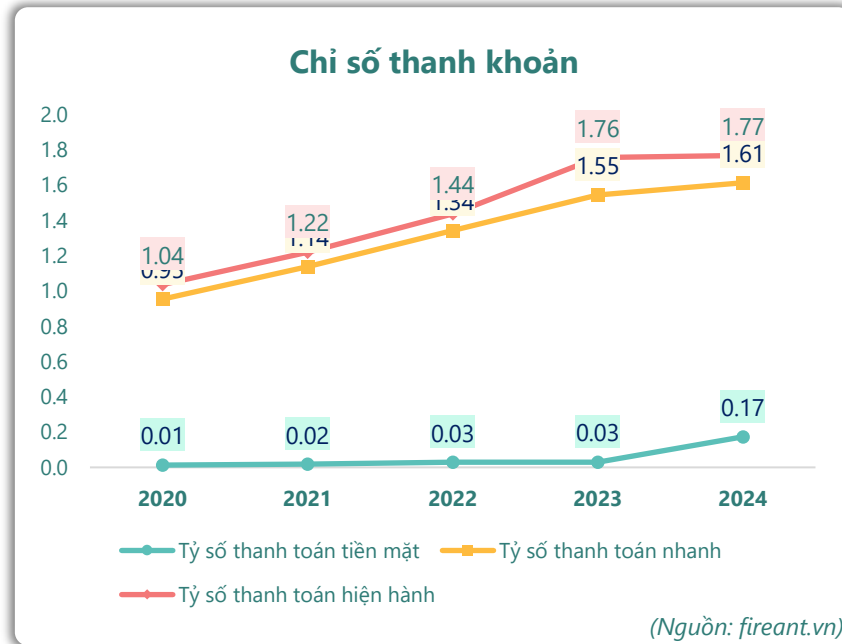
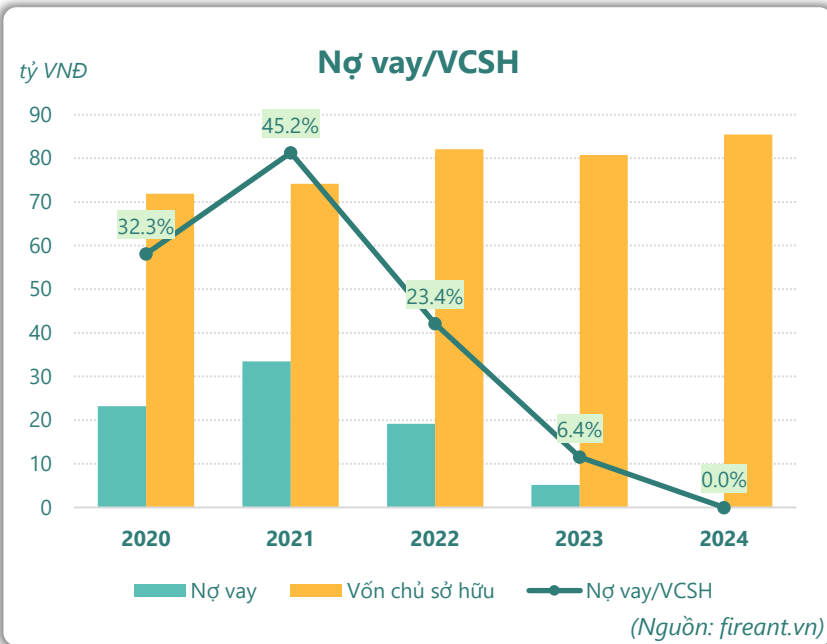
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	120	73.8	62.1%	196	128	53.1%
Giá vốn hàng bán	102	65.9	55.2%	171	117	46.8%
Lợi nhuận gộp	17.4	7.87	121%	25.1	11.5	118%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.00		0.01	0.00	190%
Chi phí TC	0.09	0.27	-68.3%	0.25	0.55	-55.4%
Chi phí lãi vay	0.00	0.18	-100.0%	0.08	0.36	-79.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	1.99	2.82	-29.5%	3.65	4.29	-14.9%
LN thuần từ HĐKD	15.3	4.78	220%	21.2	6.66	218%
Lợi nhuận khác	-0.07	-0.10	28.8%	-0.24	-0.24	-2.2%
LN trước thuế	15.2	4.68	225%	20.9	6.43	226%
Lợi nhuận sau thuế	12.1	3.77	220%	16.6	5.08	226%
LNST của CĐ cty mẹ	12.1	3.77	220%	16.6	5.08	226%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-11.7	23.5	-6.03	21.4	2.29	15.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-3.31	0.05	-2.03	-0.43	-4.91
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	11.6	-16.7	13.1	-20.9	0	0
Tiền đầu kỳ	1.52	1.34	4.83	11.9	10.4	12.2
Lưu chuyển tiền thuần	-0.18	3.49	7.08	-1.54	1.86	10.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.34	4.83	11.9	10.4	12.2	22.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	158	145	8.9%
Tài sản ngắn hạn	123	106	15.9%
Tiền và tương đương tiền	22.6	10.4	118%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.00	0	
Phải thu ngắn hạn	86.8	85.6	1.4%
Hàng tồn kho	7.91	9.26	-14.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.21	0.50	-57.9%
Tài sản dài hạn	35.6	39.5	-9.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	27.6	30.9	-10.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.35	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.72	1.89	-9.0%
Tài sản dài hạn khác	6.24	6.33	-1.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	56.8	59.8	-4.9%
Nợ ngắn hạn	56.8	59.8	-4.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	43.4	51.8	-16.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	101	85.4	18.6%
Vốn chủ sở hữu	101	85.4	18.6%
Vốn điều lệ	65.2	65.2	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

